



Tác giả  
Tác phẩm

**Lời tòa soạn:** Lưu Quang Vũ là tài năng văn học và sân khấu, có nhiều đóng góp cho văn học, nghệ thuật Việt Nam hiện đại. Không chỉ là một nhà thơ, nhà văn tài hoa với nhiều sáng tác thơ và truyện ngắn đặc sắc, có tầm vóc tư tưởng lớn mà Lưu Quang Vũ còn là nhà viết kịch hàng đầu thời kỳ Đổi mới. Nhân kỷ niệm 70 năm năm sinh Lưu Quang Vũ, tưởng niệm 30 năm ngày mất Lưu Quang Vũ và Xuân Quỳnh, Tạp chí Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật trân trọng giới thiệu một số bài viết của các nhà nghiên cứu về sự nghiệp văn học, nghệ thuật của Lưu Quang Vũ và Xuân Quỳnh.

## TRUYỆN NGẮN LƯU QUANG VŨ - CẦU NỐI GIỮA THƠ VÀ KỊCH

◆ GS. PHONG LÊ

**N**ói Lưu Quang Vũ và sự nghiệp Lưu Quang Vũ trước hết là nói đến thơ và kịch, cả hai trong xen cài và tiếp tục mà làm nên một dấu ấn đặc sắc cho thi đàn và kịch trường Việt Nam cuối thế kỷ XX. Nhưng còn văn xuôi, với Vũ, cũng có thể gọi là một sự nghiệp, không phải là quá mỏng. Để có một chân dung trọn vẹn về Lưu Quang Vũ, trong bài này, tôi muốn tìm đến truyện ngắn Lưu Quang Vũ như một cầu nối giữa thơ và kịch.

Vào đời, và cùng lúc, vào nghề bằng tập thơ *Hương cây*<sup>1</sup> - năm 1963, từ giã đột ngột để ra đi ở con số ngoài năm mươi kịch bản - năm 1988, tôi muốn xem những truyện ngắn Vũ viết vào cuối những năm 1960, đến nửa đầu những năm 1980, được chọn trong

ba tập *Người kếp đóng hồ*<sup>2</sup>, *Mùa hè đang đến*<sup>3</sup> và *Truyện ngắn Lưu Quang Vũ*<sup>4</sup> như là chiếc cầu nối giữa thơ và kịch. Đứng ở thời điểm cuối 1970, đầu 1980 mà nhìn lại, khi hào quang chiến thắng và niềm hào hứng về tương lai của dân tộc có phần nhạt đi trước các khó khăn và thử thách của đời sống, truyện ngắn của Vũ vừa mang nét giao thoa của hai âm điệu, vừa đang nhích dần về phía tiền trạm của một giai đoạn mới. Một “mùa hè đang đến”. Ở Vũ. Và ở nền văn xuôi mà Vũ có góp phần.

Nhưng hãy lùi về trước một thập niên. Có thể tìm thấy dễ dàng trong văn xuôi của Vũ lúc này sự tiếp tục của *Hương cây*. *Hương cây* man mác tình quê hương, tình người. Ai trong chúng ta mà chẳng có những kỷ niệm



về quê hương. Tôi có một quê hương mà tôi rất yêu, nhưng đọc Vũ, tôi thấy mình lây cái niềm yêu quê hương xứ bạn - cây trái mùa hè, tiếng gầu khua thành giếng buổi trưa, từng đám mây ngồn ngang trên bầu trời vào hạ... Tất cả các hình ảnh và ấn tượng đó đến với tôi thật đột ngột và sâu lắng khi lần đầu tiên tôi đọc *Thị trấn ven sông*<sup>5</sup> của anh cùng lúc với những trang *Phù sa* của Đỗ Chu. Tôi đọc anh vào một buổi trưa nơi cơ quan Viện Văn học “sơ tán” ở Hiệp Hòa - Hà Bắc (Bắc Giang), trên tay, trang báo cứ lặng yên mà mơ màng cái cảm tưởng rất gần đầu đây, bên kia bờ sông Thương, sông Cầu, tí đến những dải xanh kia của Ba Vì, Tam Đảo là những Hạ Hòa, Gia Điền, những Việt Trì, Ấm Thượng... như là sự nối dài của quê hương mà thành đất nước - đất nước càng trong gian lao, bom đạn càng ấm tình người. Đọc *Thị trấn ven sông*, rồi sau này, *Giếng nước gốc gạo*<sup>6</sup>, tôi không nhớ cốt truyện, và thật ra truyện không có chuyện, mà chỉ nhớ cái không khí, cái dư vị quyến luyến, ngọt ngào nó để lại trong tôi, cùng cái điều chợt hiểu yêu đất vì yêu người - “Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương”.

Cái *Thị trấn ven sông* ấy đã cho tôi làm quen, và lập tức yêu văn Lưu Quang Vũ; đôi khi lẫn lộn không phân biệt được, nó là tình yêu cái truyện Vũ đã viết, hay là yêu cái mảnh đất Vũ đã gọi ra, hai đằng cứ lẫn vào nhau, như trong một màn sương. Dầu vậy, ngay trong màn sương tâm tình của truyện vẫn cứ thấy hiện lên, không sao nhòa được bức họa đến thành nét của một thời chống Mỹ qua hình ảnh những cánh cửa và bức tường mang theo bao dòng viết nguệch ngoạc bằng phấn, bằng than hoặc gạch non:

“Bố ơi, con và bà đi trước”... “Hùng sang nhà anh Tám ở xóm núi”... “Ngọc về mà không gặp em...”. Nhớ lại những chi tiết ấy mà thấy lòng mình vững vàng thêm, kiên nghị hơn trong những rung rung xúc động.

Cũng ở thiên truyện tưởng như không nói gì này tôi lại thấy Vũ nói được rất nhiều điều, qua nhân vật “tôi” của truyện. Đó là sự ghi nhận cái giờ khắc trưởng thành từ tuổi thơ qua tuổi trẻ mà vượt lên thành người lớn của một thế hệ. Cái tuổi hai mươi vào đời tưởng vô tư mà rồi ra sớm có ý thức về trách nhiệm, sớm giàu có lên trong tình yêu với đất đai, với đồng loại và thời cuộc của nhân vật truyện, phải chăng cũng là sự hóa thân của chính tác giả - lúc này cũng vào tuổi hai mươi, đang bước vào đời lính và làm thơ, những bài thơ đến từ “hương cây” của đất quê, của vườn nhà.

Cái tâm hồn thơ ấy chưa hẳn đã rời chúng ta, nhưng có thừa thoáng đi trong những năm 1970, như sau này ta biết rõ, đó là những năm vất vả và lặn lội của đời Vũ. Từ đời lính trở lại đời thường, Vũ đã gặp bao khó khăn trong sự mưu sinh, trong sinh hoạt gia đình và lập nghiệp. Cuối 1970, Vũ viết dồn, và đợt này không phải thơ, cũng không phải văn xuôi mang chất thơ. Chàng trai mẫn cảm vừa rời quân phục ấy, đáng quý biết bao, lại cũng sớm tâm huyết với những trang về sự hi sinh của nhân dân và người lính trên biên giới phía Bắc. Tôi không đánh giá cao hiệu quả nghệ thuật của những truyện này, như *Trang viết đầu tay*, *Người đưa thư*, *Một chuyện ở biên giới*... mà đánh giá cao ý thức chính trị ở Vũ, một ý thức hồn nhiên, nó là sản phẩm của một tuổi trẻ biết tự giác gắn số phận cá nhân với nhân dân và đất



nước. Sau nhiều va vấp, đụng chạm với đời, dẫu không phải lớn, nhưng có thể làm mòn đi sự tin yêu, thế mà Vũ vẫn có được sự trăn trở và thiết tha với những gì đã thành thiêng liêng, và với cả cuộc đời rộng lớn... Rồi cùng với những trang về biên giới, Vũ nhanh chóng trở lại đời thường với biết bao trăn trở, suy tư trong một cảm hứng mới - cảm hứng công dân và trách nhiệm.

Thật ra thì loại truyện không có chuyện mà chỉ nhằm gợi thức cảm xúc trữ tình vẫn còn tiếp tục trong những trang *Hoa xuyên chi, Con ốc màu xanh biếc, Trước thềm lục địa...* Nhưng bây giờ nó chỉ còn là một tỷ lệ nhỏ. Nhà thơ Lưu Quang Vũ đã chuyển sang người quan sát, người chép chuyện, và lúc cần, người triết lý và suy tư. Tuổi ba mươi rồi còn gì! Ở tư cách người quan sát, Vũ đã đem lại cho bạn đọc không ít chân dung một “con người nhũn nhặn” như anh Bân: “Anh không bao giờ làm mất lòng ai vì không bao giờ anh cãi lại ai” [...] “Không bao giờ ngã trên đường, vì một lẽ rất giản đơn là anh không đi đâu, anh đứng yên một chỗ...” [...] “Trong các cuộc họp, anh thường ngồi nghiêm chỉnh ở hàng ghế trên, thủ trưởng nói một câu anh lại gật đầu một cái...” [...] “Nhũn nhặn” chứ không phải “nịnh” như lời tác giả phân trần! Thế nhưng với tất cả đức tính ấy, anh Bân rồi cũng không tránh khỏi bị những loại người như Đào Ty cho vào cuộc, cho dây vào những kiện tụng và đấu đá, để cuối cùng tro ra là một con người nhạt nhẽo và vô tích sự.

Lại một chân dung khác: anh Y, một “cán bộ lâu năm, [...] đã đi nhiều cơ quan, giữ nhiều cương vị khác nhau [...], có khi anh

ăn lương ở một cơ quan này nhưng được “biệt phái” sang công tác ở một cơ quan khác... Kinh qua nhiều nơi, nhiều ngạch bậc cho nên anh biết khá nhiều lĩnh vực, quen rất nhiều người. Ở đâu cũng có người anh biết và ở đâu cũng có người biết anh”. Nhưng sự quen biết đó, về cả hai phía, không hề là công việc; sự chuyển chỗ quá thường xuyên chỉ vì anh không có nghề; con người tưởng là “bách khoa” hóa ra là một cục đất thó... “Sắp cuối cuộc đời rồi, anh vẫn chẳng làm được gì, chẳng có một thành quả nào, hầu như không có nghề nghiệp gì, trước sau anh vẫn chỉ là một người vô tích sự! Anh vất vả quá! Anh lại sắp sang một cơ quan mới. Ở đó, anh định sống thế nào? Chắc ở nơi ấy, sẽ vẫn có những người phục anh, nể anh, nhưng rồi anh sẽ ra sao, bởi cuộc sống hôm nay sẽ ngày càng hiểm chỗ cho những người như anh”. Vậy là bi kịch đã đến với Y, và sự đáng thương không phải chỉ ở anh Y mà còn là ở những người cứ ngỡ Y là thần tượng, như vợ anh, và nhân vật tôi - người kể chuyện. Hơn thế, còn là cả bộ máy tổ chức, những người chuyên lo chuyện cất đặt, cất nhắc, phân công cán bộ đã quá quen trong cái động tác đưa đẩy này. Chính trong cái vòng luẩn quẩn đó mà loại người như Y có đất sống ở khắp nơi, được nuôi cấy ở bất cứ đâu. Của đáng tội, họ không gây ra tội lỗi gì lớn, nhưng chính cái vô dụng, vô tích sự, cái chất ăn bám ở họ lại là nguyên nhân chính gây nên sự trì trệ, sự bất an cho toàn xã hội. Dụng nên tính cách Y, đưa Y vào một tình cảnh bế tắc ở cái kết: “Cuộc sống càng hiểm chỗ cho anh”, tác giả đã gợi một ý cảnh cáo. Có điều cảnh cáo là một chuyện, còn sự



thực là một chuyện. Hẳn còn lâu về sau, những chân dung Y vẫn hiện diện. Xã hội đâu dễ hết những cây tầm gửi khi toàn bộ cơ chế cũ và quan niệm cũ còn chưa vỡ, còn gắn với lợi ích của cả một lớp người.

Ấy là hai truyện viết về chân dung - nhưng không phải chân dung qua máy ảnh, mà là chân dung ký họa, nhằm vào thể tục, vào thói đời. Cái mạch viết này vốn có sẵn trong gia tài truyện của ta và thế giới. Năm được thần thái của những thói hư tật xấu, tìm được sự kết tụ trong các tính cách, văn học Pháp thế kỷ XVII với La Bruyere đã cho ta *Những tính cách (Les caracteres...)*, và Moliere đã dựng những chân dung biến lộn, trướng giả, đạo đức giả, ghét đời... Và rồi còn biết bao tệ bệnh khác, những gian manh, phạm tục vô tích sự, nhảm tẻ... vẫn còn tiếp tục sinh sôi trong đời, bất chấp thể chế xã hội nào... Đó là các thứ bệnh cứ trường tồn cùng nhân loại; con người còn phải lâu dài chung sống và đối mặt với nó.

Phát hiện về tính cách, đó là nét mới ở truyện ngắn Lưu Quang Vũ. Tính cách gắn với số phận. Y rồi sẽ mất chỗ đứng. Bận bị lật tẩy. Nhưng cái kết luận về số phận không nên là chuyện bắt buộc. Và hình như Vũ cũng không có ý định đi xa theo hướng này. Cái chính vẫn là những vui hóm trong tính cách mà người đọc có thể gặp ở nhiều nơi, và có thể cả ở chính mình. Tôi nhấn "sự vui hóm" để nói thêm một nét mới bên cạnh chất trữ tình và chất thơ vốn là nét quen thuộc trong bút pháp Vũ. Vui hóm, nhằm cho thấy những đối xứng, những nghịch lý, những mặt khác nhau trong cuộc sống chứ chưa phải sự thay đổi hẳn các bảng màu.

Bức tranh đời qua văn xuôi của Vũ căn bản vẫn là sáng sủa. Sự quan tâm của Vũ vẫn là về phía những con người đẹp, từ những người "bạn già" biết chăm sóc cho nhau và quan tâm đến những người chung quanh và thời cuộc: "giáo sư Tường" nổi tiếng; anh nhà văn trẻ với "trang viết cuối cùng"; là động tác cầm súng và sự hi sinh của những con người "trước thềm lục địa" biết sống sao cho xứng với người đã khuất, hoặc biết làm lại đời mình sao cho có ích... Viết về cái mới, đẹp, cao thượng, cho đến lúc này, vẫn là một hướng chủ đạo trong văn xuôi ta; và điều đó không có gì sai. Quan trọng là viết sao cho thấm thía, cho chân thành, và đó là điều đáng quý ở Vũ. Cái mạch này chúng ta thấy rồi sẽ được anh tiếp nối và chuyển sang cho kịch, như *Nguồn sáng trong đời*. Và như ta rõ sau này, trong kịch, Vũ sẽ là người tuyên chiến với mọi thói tật giả dối, tàn ác, lắm lúc đến quyết liệt như trong *Hôn Trương Ba da hàng thịt*, *Lời thề thứ chín*, *Vụ án hai ngàn ngày...* nhưng căn bản vẫn là con người nặng về tình yêu, khát khao ca ngợi điều hay lẽ thiện. Vũ, như chính gương mặt phúc hậu của anh, giọng nói nhỏ nhẹ của anh, như chính cả lối viết và chữ ký có phần yếu ớt, không có chút gân guốc của anh, vẫn là con người đến với mọi người bằng sự khiêm nhường, nhũn nhặn, yêu thương và tin cậy.

Tôi muốn nói một mạch ngầm lặng lẽ và tuôn chảy qua những trang văn xuôi của anh. Viết về cái già, cái bậy, cái tệ, cái xấu, cái ác như là sự bội bạc trong *Tiếng hát*, sự đổ vỡ các thần tượng trong *Anh Y*, những vụng dại và ngộ nhận trong *Hoa xuyên chi*, sự ân cần và mặc cảm tội lỗi trong *Những người bạn...* ta thấy rõ cái đích Vũ nhằm vào,



niềm khao khát anh muốn bày tỏ là sao cho cuộc sống và tình người được đẹp hơn, trong trẻo hơn. Cuộc sống, cho đến lúc này, không còn là một màn sương lung linh hấp dẫn mà đã có phần mờ đục, bàng màu không còn chỉ một màu hồng trong suốt mà đã có sự đối chọi đen-trắng, tình đời đã thấy nhạt bớt đi những nỗi lo chung mà gia tăng cái vị riêng tư... Truyện của Vũ, từ đầu thập niên 1980 đã là sự báo hiệu, là bước tiền trạm cho các vấn đề nổi lên gay gắt cho văn xuôi thời Đổi mới. Trong truyện *Những người bạn*, khi dựng cuộc gặp gỡ của mấy ông già vốn là bạn chiến đấu cũ, Vũ đã cho xuất hiện nhân vật Cẩn - một thành viên hư hỏng, tụt vào tù và bây giờ sống rất nhếch nhác; ông ta đã không làm lại nổi cuộc đời mình, cũng chỉ vì "tình bạn", vì sự cuu mang thiếu nguyên tắc và thiếu nghiêm khắc của bạn. Hãy nghe chính Cẩn nói: "Không, tôi không hề có ý dám đổ lỗi cho anh Dân, nhưng vì các anh hỏi tôi tại sao đến nỗi sa sút như vậy, nên tôi phải nói thật. Vâng, nếu ngay lần đầu ấy, tôi bị xử phạt thích đáng biết đâu tôi đã không phạm tội lần thứ hai, biết đâu đời tôi không đến nỗi hư hỏng hoàn toàn như bây giờ".

Từ thơ và chất thơ (poetique) trong văn xuôi, rồi chất văn xuôi (prosaïque) của đời, chuyển sang kịch, Vũ viết hồn nhiên như không có bất cứ sự chuẩn bị gì. Có thể không khó tìm thấy trong văn xuôi Vũ dấu ấn sự bắt chước, sự vay mượn, sự mô phỏng một ý, một chủ đề hoặc một mô-típ nào đó của những người đi trước, trong nước hoặc nước ngoài. Chẳng hạn, lúc là một dư vị Pautovski trong *Thị trấn ven sông*, một triết lý về quyền sở hữu của Bertolt

Brecht đến từ *Vòng phần Kavkaz* trong *Đĩa con*, sự tan vỡ của thần tượng đến từ Ông cậu Vania của A. Chekhov trong *Anh Y*, hoặc *Anh Thịnh* như là bóng dáng của "Người thầy đầu tiên" của Aitmatov... Nhưng điều đó không đến nỗi cộm lên gây khó chịu. Trong văn chương chuyện chịu ảnh hưởng lẫn nhau, và học tập người đi trước nên xem là thường. Điều quan trọng là những vay mượn hoặc liên tưởng đó vẫn tạo được một không khí thực. Hơn thế, tôi lại thấy cần thiết, vì nghĩ rằng, chính nhờ sự nhạy cảm đó, nhờ vào sự thông minh trong nắm bắt đó, tóm lại, nhờ có một căn ăng-ten mạnh mà Vũ đã nhanh chóng tạo được một cái vốn lớn đủ cho trên năm mươi vở kịch rồi sẽ ra đời dồn dập trong thập niên 1980. Vốn sống - đó là câu chuyện chúng ta từng bàn nhiều, và nhất trí được xem là yếu tố cơ bản, hàng đầu của sự thành đạt trong văn chương. Nhưng vốn sống là một khái niệm rộng. Có vốn sống trực tiếp là cái nói chung ai cũng được bình đẳng với nhau trong một cuộc đời với giới hạn tối đa ba vạn sáu ngàn ngày. Trong cuộc đời ấy, cái gọi là sự từng trải có thể khác nhau, nhưng sự thành công không phải được quyết định bởi độ căng hoặc bề dày của vốn. Naguib Mahfouz - tác giả được giải Nobel của Ai Cập là người rất cần mẫn trong cuộc đời một công chức, và ít khi đi ra ngoài khu phố mình ở... Còn vốn sống gián tiếp tức là cái vốn đọc, học, hỏi, xem, nghe... thì có rộng hẹp khác nhau. Ai mở được nhanh và khẩn trương cái vốn này người ấy sẽ không bị cạn. Hòn thua còn là ở đấy.

Vũ đã viết xen kẽ và liên tục, và có lúc thật là dồn dập, giữa những năm 1960 là



thơ, sang 1970 là văn xuôi, suốt 1980 là kịch, một cách tự nhiên. Vũ ít có tuyên ngôn. Nhưng tôi đọc được rõ tuyên ngôn nghề nghiệp của Vũ qua nhiều truyện như *Người kếp đóng hồ*, *Người chiếu đèn*, *Trang viết cuối cùng*, *Một đêm của Giáo sư Tường*, *Đêm giao thừa năm ấy*, *Trước thềm lục địa*... Đó là những truyện về những con người của nghề nghiệp: nghề thuốc, nghề giáo, nghề báo, nghề khí tượng - thủy văn, nghề chiếu đèn... Và cố nhiên có nghề viết, nghề văn. Cái thông điệp được Vũ nhấn mạnh, mong đến với mọi người là: con người phải có nghề, sống với nghề và say mê nghề. "Con người ta phải ràng buộc với một cái gì, phải có ích cho một ai đó chứ!" (*Hoa xuyên chi*). Có lẽ chính do ý thức sâu về điều này, nên đối tượng quan sát và chỉ trích đầu tiên của Vũ là dạng người vô nghề nghiệp, vô tích sự như Y, hoặc có nghề, thậm chí tưởng là có tài trong nghề nhưng không đạt được một cái gì có ích cho đời, như anh chàng kiến trúc sư trong *Mùa hè đang đến*. Tất cả các truyện của Vũ đều khẳng định những con người nghề nghiệp với đức tính đáng quý nhất là sự say mê. Say với nghề đến mức có thể hy sinh mình. Bởi vì nếu không tận tụy đến mức có thể hy sinh bản thân thì sẽ không đạt được kết quả cao nhất trong nghề. Mà kết quả cao nhất trong nghề, trong bảng giá trị của một xã hội dựa trên năng suất lao động, và sự sáng tạo của lao động, đó sẽ là một đóng góp lớn, đáng nhận một phần thưởng lớn.

Và nghề văn, cố nhiên, Vũ cũng coi như một nghề. Trong nhiều dịp trò chuyện với Vũ, tôi thấy anh rất nhũn nhặn, tự coi mình như người học việc, không có chút lý luận

gì. Nhưng đọc truyện Vũ tôi thấy anh rất nghiêm chỉnh và thấu đáo trong câu chuyện lý luận này. Nghề văn phải có sự từng trải, nhưng còn cần một cái gì cao hơn thế. Trong *Người kếp đóng hồ*, Vũ đã cho đóng vai hồ, một anh kếp mới, thay cho anh kếp cũ, với thành công đặc sắc, bởi anh đã dốc vào vỏ diễn tất cả sự từng trải của đời mình. "Dường như nổi căng thẳng của ba ngày đêm ôm chặt trên cây, đối diện với hồ, dường như kinh nghiệm của cả một đời phiêu bạt, đói khổ, phải đối chọi, giành giật với nhiều kẻ ác, người khách lạ đã dồn cả vào lớp diễn này". Nhưng để bổ sung cho tác giả, anh kếp còn cho biết thêm: "Tôi đóng hồ, không phải tại tôi thích hồ mà tại tôi thích Võ Tòng. Tôi thích con người áo vải tay không mà dám đập chết loài beo cọp". Nghề văn, như mọi nghề, nhưng vẫn có một cái gì khác, khác - chứ không phải cao hơn hoặc sang trọng hơn. Trong *Trang viết cuối cùng*, trước khi đi tới bức thư để lại của nhà báo Bùi Nguyên hi sinh trên biên giới, anh cho Đắc, một nhà văn trẻ "đã có nhiều sách in và nhiều người biết tiếng" nói: "Có quái gì mà rắc rối! Đơn giản thôi! Viết lách là một cái nghề, như mọi cái nghề trong xã hội. Người ta cần cái gì, anh đưa ra cho người ta cái đó. Người ta thích dép, anh đóng dép, người ta thích guốc, anh đóng guốc... Thế thôi! Thế nào gọi là nghề văn? Ấy là khi ta sống được, kiếm tiền được bằng nó!". Và đây là "trang viết cuối cùng" trong cả hai nghĩa đen và bóng của Bùi Nguyên như một cách đối thoại và đối chọi lại quan niệm trên: "Thời gian qua tôi cũng nghĩ nhiều về công việc sáng tác mà mình theo đuổi bao lâu nay. Anh ạ, dẫu sao, tôi vẫn tin vào ý nghĩa



thiên liêng vốn có của văn học. Đối với tôi, văn học không phải để phô trương tài năng hay thu góp những lời hay chữ lạ... Với năm tháng, với những thử thách của đời sống, qua những thất bại của tôi và của những người khác, tôi hiểu ra nhiều điều [...]

Tôi hiểu rằng: Tự biểu hiện mình hay thể hiện cuộc sống, nói những lời ngọt ngào thơ mộng hay nói những sự thật khắc nghiệt, cái đó chưa quan trọng, quan trọng hơn cả là những trang viết của mình có giúp được cho con người sống tốt hơn không, có góp phần cải biến đời sống để nó ngày một trở nên đáng sống hơn không?"

Trở lại câu chuyện nghề nghiệp. Một thông điệp nói rằng ý nghĩa cuộc đời là ở lòng yêu nghề, gắn bó và sống chết với nghề - nhằm sao cho cuộc sống của mỗi người là có ích - đó là nét nổi bật trong nhiều trang văn xuôi của Vũ. Mọi thứ nghề nếu được yêu và tận tụy hết mình đều có ích cho nhân quần và đáng được tôn trọng. Mỗi người phải chọn cho đúng nghề, chọn đúng rồi thì phải khai thác cho hết công suất bản thân để đóng góp cho nó. Vũ đã có tuyên ngôn đó bằng chính một danh mục sáng tác khá đồ sộ trên cả ba loại hình: thơ, truyện ngắn và kịch, ở cái tuổi bốn mươi còn rất trẻ của anh.

Đến với tôi lúc này một quan niệm về nghề văn thật là quyết liệt và khắc nghiệt của G. Flaubert, người mà Gorki coi là có nghệ thuật bậc thầy: Nghề văn đòi hỏi người viết ngay chính cuộc đời của anh ta cũng phải là phương tiện cho nghệ thuật.

Để hiểu sự hối hả của Vũ, sự giành giật từng chút thời gian, cho thơ, cho truyện

ngắn, rồi cho kịch, Vũ đã khai thác tối đa mọi hoàn cảnh, mọi chất liệu. Và căn phòng chật chội của anh, cái bàn làm việc - mãi đến cuối đời mới có của anh, (đã không nói thì thôi, chứ đã nói đến thì quả là một nỗi khổ tâm và tủi cực cho mọi người viết chân chính của chúng ta vào những năm tháng này). Nhưng tất cả đó đâu phải là cái làm anh quá bận tâm.

Trở lại cái tin bi thảm vào chiều 29.8.1988 khi Vũ cùng Xuân Quỳnh và bé Mí (Quỳnh Thơ) từ Đồ Sơn, Hải Phòng về. Nhớ một đoạn tâm sự của nhân vật chính trong *Trước thêm lục địa*: "Phải chăng biển giúp cho con người nhận ra được kích thước nhỏ bé của mình để đừng nôn nóng, tất bật vì những ước muốn..." Sao Vũ, người đã cho nhân vật của mình triết lý được như thế lại không biết tiên tri cho mình trong chuyến đi vội vàng cấp tập ấy, và sau mấy ngày ở biển?

Thương quá, nhưng biết làm sao, âu đó là số phận thường dành cho những tài năng - tài năng chân chính bao giờ cũng là sự quên mình. Cũng bởi lẽ, như bất cứ sự hi sinh nào khác, chính trong sự quên mình, sự đem cho, mà họ được bù đắp lại. ■

1. In cùng với Bằng Việt trong tập *Hương cây - Bếp lửa*; NXB. Văn học; 1963.

2. NXB. Hà Nội và NXB. *Tác phẩm mới*; 1983.

3. NXB. Hà Nội và NXB. *Tác phẩm mới*; 1983.

4. NXB. Hội Nhà văn; 1994.

5. Giải ba cuộc thi truyện ngắn của báo *Văn nghệ* 1967 - 1968.

6. *Văn nghệ* số 252; 1968.